TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 12 - 2019
V/v: Chị Nhâm Thị H xin ly hôn anh Trần Ngọc T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nhâm Thị H, sinh năm 1991; (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà XX, Ngõ XX, phố N, tổ XX, phường TP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Nơi làm việc: Công ty TNHH M (Việt Nam) chi nhánh Thái Bình; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Nơi làm việc: Công ty TNHH M (Việt Nam) chi nhánh Thái Bình; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nhâm Thị H trình bày***:

Chị và anh Trần Ngọc T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện, khi đó chị đã có thai với anh T được khoảng 03 tháng. Sau kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không cùng chung quan điểm, không khí gia đình luôn căng thẳng, lạnh nhạt, anh chị gần như không nói chuyện, không tâm sự và không chia sẻ được với nhau về tâm tư, tình cảm, những khó khăn trong cuộc sống, sống tại gia đình nhà chồng nhưng chị gần như bị cô lập. Vì đang mang thai nên chị vẫn cố gắng với hy vọng khi có con tình cảm vợ chồng sẽ tốt hơn. Nhưng ngay sau khi chị sinh con, mâu thuẫn giữa chị, anh T và mẹ đẻ anh T thực sự căng thẳng do mẹ đẻ anh T can thiệp quá sâu vào cách chị chăm sóc con, anh T lại luôn bênh vực mẹ. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là chiều ngày 01 tháng 7 năm 2019, sau khi chị sinh con được 13 ngày, bố mẹ đẻ chị xuống nhà anh T xin cho mẹ con chị về nhà ông bà chơi vài ngày, anh T và gia đình nhà anh T không đồng ý, kéo họ hàng xuống chửi bới chị và bố mẹ đẻ chị. Khi chị bế con đi, anh T giật tóc chị quay lại. Ngay trong đêm hôm đó anh T tách con ra khỏi chị, chị ra bế con anh T không đồng ý, chị ra cho con bú, anh T cũng không nghe. Do quá uất ức chị đã báo cáo sự việc với đại diện chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống và công đoàn Công ty nơi anh chị làm việc nhờ can thiệp nhưng anh T không nghe. Do xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên ngay trong ngày 02 tháng 7 năm 2019 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và nộp đơn xin ly hôn, từ đó đến nay anh T không đi tìm chị về và vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự căng

thẳng, không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không đạt được như mong muốn, do đó chị xin được ly hôn anh T để chị ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống.

Chị và anh Trần Ngọc T có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2019. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T và gia đình không cho chị đón con về chăm sóc nên hiện tại con đang ở cùng anh T. Ly hôn, vì con còn quá nhỏ, đang rất cần sự chăm sóc của chị, chị có sức khỏe tốt, có công việc, có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị trong việc nuôi dạy con, do đó chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Trần Ngọc Khánh L và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung cùng chị. Thu nhập của chị một tháng từ khoảng 5 triệu đồng đến 6 triệu đồng.

Chị và anh Trần Ngọc T không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại bản tự khai đề ngày 07 tháng 8 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày:***

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, anh Trần Ngọc T trình bày như chị Nhâm Thị H đã khai. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị, theo anh là do tính cách, quan điểm và cách sống giữa anh và chị H quá khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, như: Anh gần như lấy phải một người vợ câm, chị H hầu như không nói chuyện với anh, không giao tiếp, không quan tâm, hỏi han gì với bố mẹ đẻ anh và với họ hàng bên gia đình anh, nếu có thì chỉ là những câu chào xã giao hàng ngày nhưng lại nói trống không, tỏ thái độ coi thường, kênh kiệu. Từ sau khi cưới, bố mẹ đẻ chị H không một lần nào gọi anh lên nhà chơi, ăn cơm, anh muốn lên chơi thì chị H không thích mà thường đi một mình đến tối muộn mới về, anh và bố mẹ đẻ anh góp ý thì ngay lập tức chị H lớn tiếng chửi anh, chửi bố mẹ đẻ anh, rồi bịt tai, la hét và đòi tự tử. Anh nói chuyện với bố mẹ đẻ chị H thì mẹ đẻ chị H lại tuyên bố nếu chị H không ở được nhà chồng thì về nhà bố mẹ đẻ ở, ông bà nuôi. Từ khi sinh con, chị H hầu như bế con suốt ngày, khi mẹ đẻ anh bế cháu thì ngay lập tức chị H lấy khăn ướt lau tay, lau chân của bé. Ngày 01 tháng 7 năm 2019 con anh chị bị ốm, đi khám, bác sỹ nói bị bệnh vàng da, thiếu vitamin D, về nhà, anh và mẹ đẻ anh khuyên chị H nên nghe theo tư vấn của bác sỹ nhưng chị H lại tỏ thái độ khó

chịu. Ngay trong buổi tối cùng ngày, mẹ đẻ chị H xuống nhà anh nói chị H bị trầm cảm sau sinh và xin đưa mẹ con chị H về nhà ngoại điều trị, anh và gia đình không đồng ý, nói nếu chị H bị bệnh thì hai bên gia đình cùng kết hợp đưa đi khám và điều trị, ngay lúc đó chị H bế con chạy ra ngõ đòi bỏ về, anh không đồng ý, hai bên xảy ra cãi vã. Sáng ngày 02 tháng 7 năm 2019 chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Do anh không đồng ý nên chị H không đưa con đi theo. Nay chị H xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã xảy ra và không thể hàn gắn, do đó anh đồng ý như theo đơn của chị H, anh thuận tình ly hôn.

Anh và chị Nhâm Thị H có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2019. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh không đồng ý. Vì: Anh là con trai duy nhất trong gia đình, anh có công việc, có thu nhập ổn định, việc anh nuôi con có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh. Khi con còn quá nhỏ, chị H bỏ con lại cho anh nuôi dưỡng, không có trách nhiệm gì, điều đó chứng tỏ chị H không đủ tư cách, đạo đức để nuôi con. Mặt khác, chị H thu nhập thấp hơn anh, kinh tế gia đình chị H khó khăn, nhà chật chội, bố chị H bị tai nạn lao động cụt một tay, mẹ chị H là công nhân nghỉ hưu, lương thấp, em trai chị H còn đang đi học. Quá trình giải quyết vụ án, theo đề nghị của anh, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với chị H, kết quả xác định chị H không bị bệnh tâm thần. Tại Tòa án, anh cũng đã được nghe giải thích quy định của pháp luật về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, khi xem xét việc giao con cho ai nuôi, anh đề nghị Tòa án cân nhắc đến tình cảm bố con, bà cháu, ông cháu giữa anh, bố mẹ đẻ anh với con L, từ khi con được 14 ngày tuổi, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, rất gắn bó, gần gũi, nay con đã được gần 5 tháng tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường, anh không thể sống xa con được. Do đó anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con chung cùng anh.

Anh và chị Nhâm Thị H không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại đơn đề ngày 01 tháng 8 năm 2019 có xác nhận của UBND phường TP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ của chị Nhâm Thị H) trình bày:***

Trong quá trình sống tại gia đình nhà anh T, chị H thường tâm sự với bà về cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Bà cũng đã phân tích, khuyên bảo chị H rất nhiều. Sau khi chị H sinh con thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh T căng thẳng, ông bà đã lên xin đón mẹ con chị H về chăm sóc một thời gian thì anh T và gia đình chửi bới, có lời lẽ xúc phạm đến gia đình bà và đã tách con ra khỏi chị H. Trong những ngày sau đó, chị H cùng gia đình bà lên gặp gia đình anh T xin đón cháu L về để chị H chăm sóc nhưng đều không được chấp nhận. Để chị H ổn định tư tưởng, cuộc sống, có điều kiện chăm sóc con, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T và giao cho chị H được nuôi con. Gia đình bà sẽ hỗ trợ, tạo mọi điều kiện tốt nhất kể cả vật chất và tinh thần cho hai mẹ con chị H.

**** Tại đơn đề ngày 14 tháng 8 năm 2019 có xác nhận của một số hộ hàng xóm, của đại diện thôn B, của đại diện UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình, ông Trần Ngọc T, bà Vũ Thị T (bố mẹ đẻ anh T) trình bày:***

Chị H, anh T đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Ngày 17 tháng 6 năm 2019 chị H sinh con Trần Ngọc Khánh L. Ngày 02 tháng 7 năm 2019 khi cháu L được 14 ngày, chị H tự ý bỏ nhà, bỏ con lại để về nhà bố mẹ đẻ ở phường TP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ở đến nay. Hiện cháu L do ông bà và anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Gia đình ông bà và anh T đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu L.

**** Tại kết luận giám định sức khỏe tâm thần số XXX/2019/GĐSKTT đề ngày 06 tháng 11 năm 2019 Viện Pháp y Tâm thần Trung ương Bộ Y tế kết luận:***

Tại thời điểm giám định chị Nhâm Thị H không có bệnh tâm thần. Chị Nhâm Thị H đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng một phần quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Nhâm Thị H và anh Trần Ngọc T. Giao con Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung. Không đặt ra giải quyết về chia tài sản chung. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nhâm Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Ngọc T, anh T hiện cư trú tại thôn B, xã Tân Tập, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Bị đơn anh Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh Trần Ngọc T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nhâm Thị H và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 68/2018 ngày 26 tháng 12 năm 2018, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và không có hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, về quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không có biện pháp giải quyết dứt điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng. Tại Tòa án, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đã chấm dứt mọi quan hệ từ ngày 02 tháng 7 năm 2019 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H, anh T là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nhâm Thị H và anh Trần Ngọc T có một con chung Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2019, hiện anh T đang nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con vì con còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của chị. Về phía anh T, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh T cho rằng chị H có biểu hiện mắc bệnh tâm thần, không đủ điều kiện nuôi con, theo đề nghị của anh T, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với chị H và tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số XXX/2019/GĐSKTT ngày 06 tháng 11 năm 2019 Viện Pháp y Tâm thần Trung ương Bộ Y tế kết luận tại thời điểm giám định chị H không có bệnh tâm thần, chị H đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, anh T nhất trí với kết luận giám định trên nhưng anh cho rằng chị H không đủ tư cách đạo đức để nuôi con và vì những lý do anh đã trình bày nên anh vẫn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con chung. Xét thấy, đề nghị được nuôi con chung của chị H, anh T là chính đáng, anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử cháu L mới được 05 tháng 12 ngày tuổi, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao con L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nhâm Thị H và anh Trần Ngọc T đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do, vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, về chia tài sản chung Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Nhâm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nhâm Thị H, anh Trần Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nhâm Thị H và anh Trần Ngọc T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nhâm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2019. Chấp nhận việc chị Nhâm Thị H không yêu cầu anh Trần Ngọc T phải cấp dưỡng cho con chung Trần Ngọc Khánh L.

2.2. Anh Trần Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị Nhâm Thị H và anh Trần Ngọc T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nhâm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0003482 đề ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nhâm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 12 năm 2019). Anh Trần Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 68, ngày 26/12/2018);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương